TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 23 - 4 - 2020
"V/v: Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Ngọc Kim

+ Bà Mai Lương Anh

Thư ký phiên toà: ông Hoàng Ngọc Trung Dũng - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 749/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về "*Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Tường V, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số X, đường B, phường A, thành phố L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh Bảo T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số X đường X, phường B, thành phố L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2019 nộp tại Tòa án thành phố L, tỉnh Đ và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Tường V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Tường V kết hôn với ông Nguyễn Vĩnh Bảo T vào năm 2019 (tái hôn), tại ủy ban nhân dân phường A, thành phố L, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện không có tổ chức lễ cưới nhưng được sự đồng ý của gia đình hai bên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại X, đường X, phường B, thành phố L, tỉnh Đ, cuộc sống vợ chồng ngay từ đầu không có hạnh phúc, nguyên nhân do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài và đã có con nên vợ chồng thường xuyên cải vã không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Nguyễn Thụy Tường V xác định tình cảm vợ chồng không còn hôn nhân không thể duy trì được nên bà V yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Vĩnh Bảo T .

Về con chung: có 01 con tên Nguyễn Nhật Trung C, sinh ngày 19/07/2006. Ly hôn bà V mong muốn được nuôi con và cũng như cháu Cang mong muốn được ở với mẹ. Bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, đã tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Vĩnh Bảo T cũng không đến tòa. Nên tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: Bà Nguyễn Thụy Tường V yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Vĩnh Bảo T và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thụy Tường V và ông Nguyễn Vĩnh Bảo T tái hôn là hợp pháp, cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu. Nguyên nhân do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài và đã có con nên vợ chồng thường xuyên cải vã không có hạnh phúc. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà V.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhật Trung C, sinh ngày 19/07/2006 cho bà Nguyễn Thụy Tường V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

N*ợ chung*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy Tường V yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Vĩnh Bảo T, nên xác định quan hệ tranh chấp"Xin ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay ông Trung trú tại số 79/15, đường X, phường B, thành phố L, tỉnh Đ, nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Giữa bà Nguyễn Thụy Tường V và ông Nguyễn Vĩnh Bảo T là tái hôn vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tái hôn tại Ủy ban nhân dân, phường A, thành phố L, tỉnh Đ nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

ngay từ thời gian đầu, nguyên nhân do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài và đã có con nên vợ chồng thường xuyên cải vã không có hạnh phúc vợ chồng cũng đã ngồi lại với nhau để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa chị hôm nay bà V cũng trình bày sau khi tái hôn sống tại: số X, đường Bùi Thị X, phường B, thành phố L, tỉnh Đ được một thời gian ngắn thì vợ chồng mâu thuẫn nên bà V chuyển về sống tại số X, đường B, phường A, thành phố L, tỉnh Đ. Việc ly hôn của vợ chồng đã được gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả và bà V cũng cho ông T nhiều cơ hội để sữa lỗi lầm, để có gia đình hạnh phúc nhưng ông T không vẫn sữa đổi. Nay bà V xác định không còn tình cảm với ông T không còn, hôn nhân không thể kéo dài nên xin được ly hôn.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông T đã được triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn không đến tòa thể hiện sự không mong muốn đoàn tụ gia đình. Qua biên bản xác minh tại khu phố việc mâu thuẫn của vợ chồng bà V tổ không biết nên không có cơ sở để hòa giải. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Tường V.

[4] *Về con chung*: Bà V xác định vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Nhật Trung C, sinh ngày 19/07/2006, hiện nay đang ở với mẹ, tại biên bản lấy lời khai của cháu C thể hiện mong muốn được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi, sự phát triển bình thường của trẻ em. Nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Nhật Trung C, sinh ngày 19/07/2006 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] *Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con*: bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

[8] *Về án phí:* bà Nguyễn Thụy Tường V phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thụy Tường V. Cho bà Nguyễn Thụy Tường V và ông Nguyễn Vĩnh Bảo T được ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1 Giao con con chung tên Nguyễn Nhật Trung C, sinh ngày 19/07/2006 cho bà Nguyễn Thụy Tường V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

2.2 Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: bà V không yêu cầu ông Trung cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: bà Nguyễn Thụy Tường V phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đồng bà V đã tạm nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0016989 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đ).

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thụy Tường V có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Đ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Vĩnh Bảo T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc (niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đ*;
- *VKSND TP L*;
- *Chi cục THA L;*
- *UBND, phường 01- Đà Lạt.*
- *Lưu*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Điền